

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC SỤY THOẠI KINH TẾ TOÀN CẦU

LÊ DƯƠNG QUANG*

1. Vài nét về ngành Công nghiệp Việt Nam trong bối cảnh suy thoái kinh tế.

Năm 2009 là một năm đầy sóng gió đối với nền kinh tế nước ta nói chung và ngành Công nghiệp nói riêng. Có thể thấy, trong khoảng 2 thập niên trở lại đây, chưa bao giờ đất nước ta đứng trước những khó khăn, thử thách gay gắt như năm 2009. Đối với ngành Công nghiệp, sau một thời gian dài duy trì được tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) ở mức 2 con số, năm 2009 là năm đầu tiên GTSXCN chỉ tăng 7,6% (năm 2008, mặc dù cũng gặp không ít khó khăn song GTSXCN vẫn tăng 14,6%).

Cụ thể, năm 2009, GTSXCN toàn ngành ước đạt 696.576,6 tỉ đồng, tăng 7,6% so với thực hiện năm 2008; trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tăng 3,7%, khu vực dân doanh tăng 9,9% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 8,1%. Về giá trị gia tăng công nghiệp, năm 2009 cũng đạt thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, chỉ có 4% (các năm gần đây đều đạt khoảng 9,5-10,5%). Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tuy còn chậm: khu vực DNNN chiếm tỉ trọng 19,4%, giảm 0,3% so với năm 2008; khu vực dân doanh chiếm 35,7%, tăng 0,1% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 44,9%, tăng 0,2%.

Về cơ cấu nội bộ ngành, do ảnh hưởng của khủng hoảng và suy thoái kinh tế dẫn đến các sản phẩm nhóm công nghiệp chế biến - chế tác gặp khó khăn về tiêu thụ (đây là nhóm sản phẩm đóng góp chủ yếu

cho xuất khẩu), vì vậy, cơ cấu nội bộ ngành hầu như không có sự chuyển dịch. Hồi năm 2009, tỉ trọng công nghiệp chế biến - chế tác chiếm 85,6% trong cơ cấu ngành, giảm 0,2% so với năm 2008; tỉ trọng công nghiệp khai thác khoảng 9,5%, tăng 0,1% và công nghiệp điện - nước - gas là 4,9%, tăng 0,1%.

Về các sản phẩm chủ yếu, năm 2009, nhiều loại sản phẩm quan trọng của ngành vẫn duy trì được sự tăng trưởng, như điện phát ra tăng 13,2% (trong đó, điện thương phẩm tăng 12,7%), than sạch tăng 9,9%, dầu thô tăng 9,4%, khí đốt thiên nhiên tăng 6,7%, xi măng tăng 19,2%, thép các loại tăng 5,2%, động cơ điện tăng 4,2%, máy điều hoà nhiệt độ tăng 41,8%, vải dệt tăng 44%, quần áo tăng 10,9%... Năm 2009 cũng đánh dấu một số sự kiện quan trọng của ngành: hoàn thành và đi vào vận hành ổn định nhà máy lọc dầu Dung Quất, đưa vào hoạt động tàu địa chấn 2D (trước đây phải thuê nước ngoài), tạo chủ động trong việc thăm dò dầu khí và góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; tăng thêm 1.900 MW nguồn điện với 13 tổ máy mới của 8 dự án nguồn; đưa vào hoạt động một số dự án lớn như điện thoại di động Samsung, bia Hà Nội - Vĩnh Phúc (giai đoạn I là 100 triệu lít/năm), nhà máy DAP Đình Vũ, một loạt dự án xi măng, nhà máy ô tô VEAM Thanh Hoá, kho dự trữ xăng dầu Cù lao Tào 150 nghìn m³...; khởi công một loạt dự án lớn như đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn 6,4 tỉ m³/năm, dự án

* Thứ trưởng Bộ Công Thương.

thép cán nóng Posco Phú Mỹ, bóc đất phủ mỏ sắt Thạch Khê v.v. Ngoài ra, tiến độ một số dự án trọng điểm quốc gia và dự án quan trọng của ngành (thuỷ điện Sơn La, lọc hoá dầu Nghi Sơn, alumina Tân Rai...) tiếp tục được đẩy mạnh. Một số sản phẩm mới như xăng dầu thành phẩm, nhiên liệu sinh học ethanol, phân bón DAP, tổ hợp thiết bị lọc nước biển... đã được đưa ra thị trường.

Những kết quả nêu trên, dù chưa cao như mục tiêu mong muốn, tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu - khi chúng ta đã và đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế khu vực và thế giới, trở thành một bộ phận hữu cơ của kinh tế thế giới, khi phần lớn các quốc gia và nền kinh tế đều không có tăng trưởng hoặc tăng trưởng âm thì mới thấy hết sự cố gắng của ngành Công nghiệp Việt Nam - đóng góp tới 75% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, góp phần quan trọng vào việc duy trì sự ổn định của kinh tế vĩ mô, thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội và tiếp tục đưa đất nước phát triển theo con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đi sâu phân tích một cách khách quan diễn biến tình hình của ngành, có thể thấy một số nhân tố tích cực, đó là:

- Tăng trưởng GTSXCN tiến bộ qua từng quý: quý I là 2,7% (so với cùng kỳ năm trước), sang quý II, tốc độ tăng đã là 4,6%, quý III là 6,4% và quý IV là 9,5%. Điều này phản ánh rất rõ - ngoài yếu tố tình hình kinh tế thế giới nói chung được cải thiện thì đây là hiệu quả của sự điều hành quyết liệt và linh hoạt của Chính phủ cũng như nỗ lực to lớn của đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân ngành Công nghiệp cả nước.

- Các sản phẩm có ảnh hưởng đến cân đối lớn của nền kinh tế (năng lượng, xăng dầu, thép, xi măng, phân bón, đường...) vẫn được đảm bảo.

- Nguy cơ mất việc làm hàng loạt, dẫn tới xáo động sự ổn định của xã hội như

Chính phủ lo ngại nhìn chung đã không xảy ra. Trong quý I, một số doanh nghiệp, nhất là trong các ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày, chế biến thực phẩm... đã phải giảm bớt lao động do thiếu đơn hàng, song từ giữa quý III, cơ bản số lao động đã được khôi phục việc làm và quý IV thậm chí đã xảy ra hiện tượng ngược lại là thiếu lao động cục bộ ở các ngành này. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới kết quả này là do chúng ta đã kịp thời chuyển một cách khá thành công sang phục vụ thị trường nội địa thông qua việc điều chỉnh cơ cấu mặt hàng, thực hiện các biện pháp kích cầu cũng như cuộc vận động ưu tiên dùng hàng trong nước. Qua thực tế trên, các cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp trong ngành đã thấy rõ hơn tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hoá, nhận diện rõ hơn những yếu kém của mình, từ đó, nhận thức được sự cần thiết cấp bách phải nhanh chóng cơ cấu lại nền sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh và bước đầu đã có những biện pháp hữu hiệu như tận dụng cơ hội giá thiết bị giảm để tranh thủ đổi mới và nâng cấp công nghệ, điều chỉnh lại cơ cấu mặt hàng, cơ cấu thị trường, tăng cường liên doanh - liên kết, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, chú trọng tìm kiếm các biện pháp tự vệ, đồng thời kết hợp với việc chủ động ứng phó với xu thế bảo hộ của nước ngoài...

- Mặc dù còn những ý kiến đánh giá không thỏa đáng về vai trò và hiệu quả của khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty, song từ thực tế tình hình những tháng cuối năm 2008 và năm 2009 cho thấy, khu vực này đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô, bình ổn thị trường, đảm bảo an sinh xã hội, qua đó khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với khu vực này.

Bên cạnh những kết quả tích cực, ngành Công nghiệp Việt Nam cũng còn bộc lộ một số hạn chế sau:

- Cơ cấu nội bộ ngành chưa được cải thiện, ít sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, hàm lượng chất xám cao; sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp nói chung chậm được cải thiện. Hơn nữa, sự phụ thuộc vào thị trường nước ngoài (cả về nguyên vật liệu sản xuất và thị trường tiêu thụ) còn nặng nề, khả năng quản trị rủi ro chưa cao. Đây là một trong những nguyên nhân chủ quan chính làm cho tăng trưởng đạt thấp.

- Tiến độ đầu tư còn chậm. Ngoài nguyên nhân khó khăn về vốn thì nhiều dự án, công trình chưa biết nắm thời cơ để đẩy nhanh tiến độ khi giá cả thiết bị, vật tư trên thị trường hạ. Thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành Công nghiệp bị giám sát.

- Tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng, các hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh còn diễn biến phức tạp.

- Do chú trọng nhiều vào việc đảm bảo mục tiêu chặn đà suy giảm, duy trì tăng trưởng, đảm bảo việc làm nên một số mục tiêu quan trọng khác như tiết kiệm năng lượng, cải tiến quản lý, nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực tay nghề cao, vệ sinh an toàn thực phẩm... còn chưa được quan tâm đúng mức và chưa đạt được sự cải thiện đáng kể.

2. Một số bài học kinh nghiệm.

Từ kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của ngành Công nghiệp năm 2009, có thể sơ bộ rút ra một số bài học:

Trước hết, những kết quả đạt được của năm 2009 - trong bối cảnh cả thế giới lao đao vì khủng hoảng - là nhờ sự chỉ đạo, điều hành hết sức linh hoạt, kịp thời, quyết liệt của Chính phủ kết hợp với sự nỗ lực lớn lao của đội ngũ doanh nhân - doanh nghiệp và sự cảm thông, chia sẻ của người lao động. Không có những yếu tố này, ngành Công nghiệp sẽ không thể duy trì được mức tăng trưởng 7.6% (nhất là khi ngay tháng đầu của năm, mức tăng trưởng là âm 4.4% và trong năm - ngoài khó khăn do tác động của khủng hoảng toàn cầu - chúng ta còn phải chịu tác động tiêu cực từ

thiên tai, bão lụt, dịch bệnh ...).

Thứ hai, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng, vì thế, mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Với việc gia nhập WTO, với hàng loạt hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương bắt đầu có hiệu lực, nếu ngành Công nghiệp không biết tranh thủ cơ hội để củng cố và mở rộng thị trường thì sẽ "thua trên sân nhà". Yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp là phải nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, giữ vững và tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá thị trường, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, sẵn sàng và chủ động đối phó với mọi diễn biến bất lợi của thị trường.

Thứ ba, yêu cầu khách quan là phải nhanh chóng cơ cấu lại ngành Công nghiệp theo hướng tập trung phát triển các ngành, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; phát triển công nghiệp chế biến - chế tác, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, giảm bớt sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

Thứ tư, bộ máy quản lý nhà nước phải thực sự vì doanh nghiệp, đồng hành cùng doanh nghiệp. Ngoài việc nhanh chóng nâng cao năng lực hoạch định chính sách, nắm bắt và đánh giá đúng tình hình để đề ra đối sách thích hợp và kịp thời, các cơ quan quản lý nhà nước phải tiếp tục cải cách mạnh mẽ về thủ tục hành chính để tạo môi trường thực sự thuận lợi cho sản xuất - kinh doanh và kịp thời giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong quá trình hoạt động.

Thứ năm, để đối phó hiệu quả với sự cạnh tranh từ bên ngoài cũng như những biện pháp mang tính bảo hộ của nước ngoài, các doanh nghiệp cần hết sức coi trọng việc hợp tác - liên kết, trước hết thông qua các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng.

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành Công nghiệp trong thời gian tới.

Từ những đánh giá kết quả sản xuất - kinh doanh của ngành Công nghiệp và những bài học rút ra nêu trên; trên cơ sở

yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho năm 2010 và những phân tích, dự báo xu hướng của kinh tế thế giới cũng như trong nước, ngành Công nghiệp đã xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2010, theo đó, quán triệt mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 là “Nỗ lực phấn đấu phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2009, tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao chất lượng tăng trưởng; ngăn chặn lạm phát cao trở lại;... chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế;... phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu của Kế hoạch 5 năm 2006-2010”, ngành Công nghiệp sẽ phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu với mức độ cao; tập trung khai thác tối đa thị trường trong nước và tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu; bảo đảm đáp ứng nhu cầu nền kinh tế về những sản phẩm công nghiệp chủ yếu; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế trong lĩnh vực công thương; giữ ổn định thị trường hàng hóa trong nước, không để xảy ra tình trạng sốt hàng, sốt giá; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong ngành.

Để góp phần đạt tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước năm 2010 khoảng 6,5%, ngành Công nghiệp phải đạt mục tiêu giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12% so với năm 2009; trong đó, khu vực DNNN tăng 6,2%, khu vực dân doanh tăng 14,3% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,6%. Giá trị gia tăng toàn ngành Công nghiệp dự kiến tăng 5,7% so với thực hiện năm 2009 (cả công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 7%).

a. Nhiệm vụ.

Toàn ngành, từ các cơ quan quản lý đến doanh nghiệp, cần nghiên cứu kỹ, quán triệt để cụ thể hoá vào ngành mình, đơn vị mình, doanh nghiệp mình và thực hiện tốt 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ đề ra trong *Thông điệp*

đầu năm. Ngành Công nghiệp cần quan tâm triển khai ngay từ tháng đầu, quý đầu một số nhiệm vụ chính sau đây:

- Nhanh chóng phục hồi và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp đều khắp các ngành, các địa phương. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm công nghiệp có thị trường, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có khả năng giải quyết nhiều việc làm. Tập trung phát triển có chọn lọc một số loại sản phẩm có giá trị gia tăng cao, một số ngành công nghiệp hỗ trợ (trước hết để phục vụ công nghiệp cơ khí, dệt may, thiết bị điện...).

- Đảm bảo cân đối cung - cầu của nền kinh tế về những sản phẩm công nghiệp chủ yếu như điện, than, thép xây dựng, xăng dầu, phân bón... trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất trong nước; đáp ứng nhu cầu trong nước về các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng.

- Tập trung vốn và huy động các nguồn lực để thực hiện đầu tư các dự án lớn trong ngành theo đúng tiến độ đề ra. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất các loại nguyên liệu, vật liệu thay thế hàng nhập khẩu và các ngành công nghiệp có tiềm năng.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, tăng tỉ trọng xuất khẩu hàng hoá đã qua gia công chế biến, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô.

- Tham gia có hiệu quả vào việc ổn định những mặt hàng trọng yếu như lương thực, thực phẩm, vật liệu xây dựng; tăng cường kiểm soát thị trường, chống mọi hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, nhập lậu, làm hàng giả, không bảo đảm các quy định về tiêu chuẩn, kỹ thuật, về vệ sinh an toàn thực phẩm..., không để xảy ra những cơn sốt thiếu hàng, tăng giá.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phát huy lợi thế, bảo đảm quyền độc lập, tự chủ của Việt Nam trong bối cảnh

hội nhập.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính ở tất cả các cấp, xử lý nhanh, hiệu quả mọi vướng mắc phát sinh, phục vụ doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.

b. Giải pháp.

Một là, mọi tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp trong ngành cần tiếp tục thực hiện một cách có hiệu quả các giải pháp cấp bách của Chính phủ phục hồi tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; khai thác tối đa năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường để đáp ứng các sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế là điện, than mỏ, phân bón, sắt thép xây dựng, động cơ máy móc phục vụ nông nghiệp, ô tô tải...; một số sản phẩm tiêu dùng và các sản phẩm xuất khẩu như dầu thô, sản phẩm may mặc, giày dép, cơ khí, dây và cáp điện, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ... Tập trung sắp xếp lại sản xuất, chuyển dịch cơ cấu theo hướng có lợi thế, hiệu quả, hướng ra xuất khẩu. Đẩy mạnh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, tranh thủ hơn nữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước để giảm chi phí sản xuất, đồng thời tập trung đẩy mạnh tiến độ các dự án để nâng cao năng lực sản xuất trong năm tới.

Hai là, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu cần tiếp tục giữ vững các thị trường hiện, có bằng cách duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, cải tiến mẫu mã, đa dạng hoá sản phẩm để mở rộng sang các thị trường tiềm năng. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, quản lý môi trường để thoả mãn yêu cầu của các thị trường khó tính, vượt qua các rào cản thương mại. Áp dụng mọi biện pháp kỹ thuật - công nghệ và quản lý để hạ giá thành sản xuất, kết hợp với nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả đồng vốn. Đảm bảo đời sống người lao động để họ yên tâm phục vụ sản xuất lâu dài, đặc biệt đối với các ngành có sự dịch chuyển lao động lớn như dệt may,

da giày...

Rà soát và quản lý tình hình phát triển ngành theo các quy hoạch đã được xây dựng, có giải pháp đối với những ngành phát triển không theo quy hoạch, tùy theo yêu cầu để có thể bổ sung hoặc xây dựng quy hoạch mới.

Ba là, nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tập trung vào chất lượng, mẫu mã sản phẩm để nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ưu tiên nhập khẩu công nghệ nguồn từ những nước tiên tiến như Mỹ, châu Âu.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp từ ngân sách trung ương để hoàn thiện cơ sở hạ tầng và tăng tỉ lệ lấp đầy đối với các cụm công nghiệp đã thành lập; thu hút các cơ sở gây ô nhiễm vào cụm công nghiệp để cải thiện từng bước ô nhiễm môi trường trong các làng nghề và khu vực dân cư.

Tích cực triển khai thực hiện, đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, kết quả, tiến độ thực hiện kế hoạch khuyến công. Đồng thời, tăng cường công tác hướng dẫn kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đảm bảo hoàn thành đề án đúng tiến độ, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, chế độ chính sách pháp luật cũng như các quy định khác về quản lý hoạt động khuyến công.

Ngoài ra, ngành Công nghiệp cần quan tâm tới một khái niệm khá mới, được đề cập nhiều trong thời gian gần đây - đó là hợp tác công - tư (nói đúng hơn là đối tác công - tư, hay liên kết công - tư). Trong ngành Công nghiệp, với nhu cầu đầu tư cho phát triển ngày càng cao, mô hình này hứa hẹn sẽ rất hữu hiệu, nhất là đối với các dự án, công trình đầu tư hạ tầng công nghiệp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp... Năm 2010 và các năm tới, mô hình này cần được quan tâm triển khai, hoàn thiện, rút kinh nghiệm để có thể nhân rộng □